

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/KDTM-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bá Quyền;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 99/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: Lô O đường N7-N5, KCN N, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đình L, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH nhà thép H; địa chỉ: khu phố K phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến M – chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 09 năm 2022, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH B (viết tắt Công ty B) và Công ty TNHH nhà thép H (viết tắt Công ty nhà thép H) có thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp bê tông số: HD-0306-2021 ngày 03/6/2021 về việc cung cấp sản phẩm bê tông trộn sẵn.

Thực hiện theo hợp đồng Công ty B đã bán bê tông cho Công ty nhà thép H và đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như sau:

Hóa đơn số 0000316 ngày 30/6/2021 với số tiền 339.290.000 đồng;

Hóa đơn số 0000557 ngày 30/11/2021 với số tiền 45.250.000 đồng;

Hóa đơn số 0000667 ngày 31/12/2021 với số tiền 21.240.000 đồng;

Hóa đơn số 0000726 ngày 28/01/2022 với số tiền 14.500.000 đồng;

Tổng cộng: 480.280.000 đồng.

Công ty nhà thép H đã thanh toán số tiền 443.890.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 03/6/2021 thanh toán 86.400.000 đồng;

Ngày 15/6/2021 thanh toán 62.150.000 đồng;

Ngày 24/6/2021 thanh toán 100.000.000 đồng;

Ngày 16/11/2021 thanh toán 45.340.000 đồng;

Ngày 03/12/2021 thanh toán 50.000.000 đồng;

Ngày 01/4/2022 thanh toán 100.000.00 đồng;

Số tiền còn nợ: 36.390.000 đồng từ ngày 01/4/2022 cho đến nay Công ty nhà thép H chưa thanh toán.

Căn cứ mục 3.3 của Hợp đồng thì trong trường hợp Công ty nhà thép H thanh toán chậm tiền mua bê tông thì ngoài số tiền chậm thanh toán, bên Công ty nhà thép H còn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi xuất là 0,06%/ngày tương ứng với thời gian chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của Luật Thương mại năm 2005.

Công ty B yêu cầu Công ty nhà thép H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 40.811.385 đồng (bao gồm: nợ gốc: 36.390.000 đồng; tiền lãi chậm trả: $36.390.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 0.83\%/01 \text{ tháng} = 1.510.185 \text{ đồng}$ (được tính từ 01/4/2022 đến 01/9/2022) và tiền phạt vi phạm: $36.390.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.911.200 \text{ đồng}$).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu quan điểm: Nguyên đơn xuất trình 04 hóa đơn giá trị gia tăng và chứng cứ về việc bị đơn thanh toán tiền hàng. Tuy nhiên, do bị đơn vắng mặt nên đề nghị Tòa án tạm ngưng phiên tòa để thu thập chứng cứ về việc bị đơn kê khai thuế để có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH B khởi kiện Công ty TNHH nhà thép H liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH nhà thép H có trụ sở tại thị xã U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Công ty TNHH B và Công ty TNHH nhà thép H có thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp bê tông số: HD-0306-2021 ngày 03/6/2021 về việc cung cấp sản phẩm bê tông trộn sẵn. Nguyên đơn cung cấp các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền bị đơn phải thanh toán là 480.280.000 đồng và chứng cứ chứng các lần bị đơn thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn với số tiền 443.890.000 đồng. Bị đơn còn nợ số tiền 36.390.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền hàng cần phải thanh toán và chứng cứ bị đơn thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp chứng cứ để chứng minh nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.4] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Theo thỏa thuận tại mục 3.3 Điều 3 của hợp đồng hai bên thỏa thuận mức lãi xuất 0,06%/ngày. Nhưng theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với lãi suất 9,96%/năm là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[3.5] Theo thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Ngày 28/01/2022 nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng sau cùng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/9/2022 là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[3.6] Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng: Trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận mức phạt vi phạm. Nguyên đơn căn cứ Điều 301 Luật thương mại quy định “*Mức phạt đối với vi phạm hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...*” yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán với mức 8% trên số tiền 36.390.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án tạm ngưng phiên tòa để thu thập chứng cứ về việc bị đơn kê khai thuế đối với các hóa đơn giá trị gia tăng cho là không cần thiết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, 300, 301, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đối với Công ty TNHH nhà thép H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH nhà thép H thành toán cho Công ty TNHH B số tiền: 37.900.185 đồng (Trong đó: tiền nợ gốc 36.390.000 đồng và nợ lãi 1.510.185 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đối với Công ty TNHH nhà thép H về tiền phạt vi phạm: 2.911.200 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH B phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006394 ngày 25/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3.2. Công ty TNHH nhà thép H phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm